

Số: 1960/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về
Quỹ gen cấp Quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững
nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi một số điều của Thông tư 07/2017/TT-BKHCN;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện trong kế hoạch năm 2018;

Xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng mười sáu (16) nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Quỹ gen cấp Quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng

bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bắt đầu thực hiện từ năm 2018.

(Chi tiết các nhiệm vụ trong các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tổng hợp, Văn phòng Các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn/xét chọn và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tổng hợp, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh



DANH MỤC ĐỀ TÀI HẠNG NHIỆM VỤ KH&CN VỀ QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG
BEN VÙNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2018
TUYỂN CHỌN

(Kèm theo Quyết định số 1960 /QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
I	ĐỀ TÀI (10)				
1	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen giống lúa tẻ mèo Sơn La và tẻ đỏ Điện Biên.	Khai thác và phát triển được nguồn gen giống lúa tẻ mèo Sơn La và tẻ đỏ Điện Biên phục vụ sản xuất gạo đặc sản, chất lượng cao.	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá chất lượng và xác định được giống tẻ mèo có chất lượng cao, khác biệt so với giống tẻ mèo ở Sóc Cộp;- Xây dựng bản mô tả các đặc điểm theo DUS của giống lúa tẻ mèo Sơn La và tẻ đỏ Điện Biên;- Phục tráng được 2 giống giống lúa tẻ mèo Sơn La và tẻ đỏ Điện Biên;- 2 qui trình phục tráng cho 2 giống;- 300 kg siêu nguyên chủng/giống;- 2 qui trình kĩ thuật canh tác cho 2 giống phù hợp cho năng suất cao hơn 15% so với giống chưa phục tráng;- 2 mô hình sản xuất có sự tham gia của doanh nghiệp qui mô 50 ha/giống;- Thử nghiệm sản xuất tại 2 huyện (1ha/huyện);	Tuyển chọn	

			<ul style="list-style-type: none"> - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
2	<p>Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Vù hương (<i>Cinnamomum balansae</i> H.Lec) cung cấp gỗ lớn và tinh dầu tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được giá trị nguồn gen của cây Vù hương để cung cấp gỗ lớn và tinh dầu; - Chọn được một số xuất xứ và gia đình sinh trưởng nhanh, chất lượng tốt; - Xây dựng được quy trình nhân giống và kỹ thuật trồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá trị nguồn gen và cơ sở dữ liệu; - Tuyển chọn 50 cây trội từ 3 vùng sinh thái (Bắc Trung Bộ, Tây Bắc và Đông Bắc); - Quy trình kỹ thuật nhân giống và Quy trình kỹ thuật trồng thâm canh Vù hương. - 03 vườn giống bố trí tại khu rừng đặc dụng cho 3 vùng sinh thái kết hợp khảo nghiệm giống (1 ha/vườn); - Ít nhất 01 xuất xứ và 02 gia đình/vùng có sinh trưởng trên 10% so với trung bình; - 15 ha mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp tại 3 vùng sinh thái (5 ha/vùng) với nguồn giống lấy từ các cây trội; - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 	Tuyển chọn	
3	<p>Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Mú từ (<i>Rourea oligophlebia</i></p>	<p>Khai thác và phát triển được nguồn gen Mú từ tại tỉnh Nghệ An làm nguyên liệu sản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đặc điểm sinh học và giá trị sử dụng của nguồn gen Mú từ; - Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản được liệu Mú từ; 	Tuyển chọn	

	Merr.) tại tỉnh Nghệ An.	xuất thuốc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở của giống và dược liệu Mú từn (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính); - 50 cây giống gốc Mú từn được thu thập, lựa chọn, lưu giữ có sản lượng thân, rễ vượt so với quần thể tại địa phương từ 12 - 15% làm vật liệu nhân giống; - 5.000m² vườn sản xuất giống công suất 5.000 cây giống/năm đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 05 ha vườn mô hình canh tác Mú từn tập trung theo hướng dẫn GACP-WHO có sự tham gia của doanh nghiệp tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An; - 500 kg dược liệu Mú từn đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
4	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Dây thường xuân (<i>Hedera nepalensis</i> K. Koch) tại một số tỉnh miền núi Tây Bắc.	Xác định được chính xác nguồn gen Dây thường xuân có chất lượng dược liệu cao để khai thác và phát triển tạo nguyên liệu làm thuốc.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đặc điểm sinh học và kết quả đánh giá đa dạng nguồn gen Dây thường xuân kết hợp với thành phần hóa học chính làm cơ sở lựa chọn 1-2 mẫu giống để khai thác và phát triển; - Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Dây Thường xuân; - Tiêu chuẩn cơ sở của giống và dược liệu 	Tuyển chọn	

			<p>Dây thường xuân (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1.000 cây giống gốc được thu thập, lựa chọn, lưu giữ làm vật liệu nhân giống; - 1.000m² vườn sản xuất giống, công suất 10.000 cây giống/năm; - Mô hình sản xuất dược liệu Dây thường xuân tập trung theo hướng dẫn GACP-WHO có sự tham gia của doanh nghiệp: 03 ha; - Dược liệu đạt tiêu chuẩn cơ sở: 500 kg; - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
5	<p>Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Chân danh hoa thưa (<i>Euonymus laxiflorus</i> Champ. ex Benth.) ở Tây Nguyên làm nguyên liệu sản xuất thuốc.</p>	<p>Xây dựng được mô hình khai thác và phát triển nguồn gen Chân danh hoa thưa có chất lượng dược liệu cao tại một số tỉnh Tây Nguyên làm nguyên liệu sản xuất thuốc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đặc điểm sinh học và kết quả đánh giá đa dạng nguồn gen Chân danh hoa thưa ở Tây Nguyên kết hợp với thành phần hóa học chính làm cơ sở lựa chọn 3 mẫu giống có năng suất và chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của Tây Nguyên để khai thác và phát triển; - Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Chân danh hoa thưa; - Tiêu chuẩn cơ sở của giống và dược liệu Chân danh hoa thưa (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính); 	Tuyển chọn	

			<ul style="list-style-type: none"> - 1.500 cây giống gốc được thu thập, lựa chọn, lưu giữ thuộc 3 mẫu giống làm vật liệu nhân giống; - 03 vườn sản xuất giống tại 3 tỉnh của Tây Nguyên: 1.000 m²/ vườn, sản xuất được 5.000 cây giống/năm đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 03 vườn mô hình canh tác theo hướng dẫn GACP-WHO có sự tham gia của doanh nghiệp tại 3 tỉnh của Tây Nguyên: 1ha/mô hình; - Dược liệu đạt tiêu chuẩn cơ sở: 500 kg; - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
6	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Quế Trà My của tỉnh Quảng Nam.	Lựa chọn được nguồn gen Quế Trà My có năng suất, chất lượng tinh dầu cao để phát triển phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đặc điểm sinh học và giá trị nguồn gen Quế Trà My tại Quảng Nam; - Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc Quế Trà My; - Tiêu chuẩn cơ sở của cây trội và cây giống; - 200 cây trội dự tuyển được thu thập, đánh giá, lưu giữ; - 100 cây trội được công nhận; - 3.000 m² vườn ươm giống; - 4 ha vườn quế giống từ cây trội với tối thiểu 2.000 cây phục vụ phát triển bền 	Tuyển chọn	

			<p>vững;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình thâm canh theo hướng dẫn GACP-WHO có sự tham gia của doanh nghiệp: 10 ha với 10.000 cây 2 năm tuổi; 6.000 cây 1 năm tuổi có xuất xứ từ cây trội; - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
7	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen gà nhiều ngón và gà Lạc Sơn.	Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn gen gà nhiều ngón và gà Lạc Sơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân, đàn sản xuất và đàn thương phẩm gà nhiều ngón và gà Lạc Sơn; - Quy trình tuyển chọn đàn hạt nhân gà nhiều ngón và gà Lạc Sơn; - Quy trình chăn nuôi gà sinh sản và gà thương phẩm theo hướng VietGAP; - Mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp: <p><u>Đàn hạt nhân:</u></p> <p>* Gà nhiều ngón:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy mô 400 mái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; + Khối lượng lúc 56 ngày tuổi: gà mái đạt 390 - 490 g/con; + Khối lượng gà mái vào đẻ: 1250 - 1350 g/con; + Năng suất trứng: ≥ 80 quả/mái/năm, tỷ 	Tuyển chọn	

		<p>lệ trứng có phôi $\geq 90\%$, tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 80\%$.</p> <p>* Gà Lạc Sơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy mô 400 mái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; + Khối lượng lúc 56 ngày tuổi: gà mái đạt 500 - 600 g/con; + Khối lượng gà mái vào đẻ: 1350 - 1450 g/con; + Năng suất trứng: ≥ 115 quả/mái/năm, tỷ lệ trứng có phôi $\geq 90\%$, tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 80\%$. <p><u>Đàn sản xuất:</u></p> <p>* Gà nhiều ngón:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy mô 600 mái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; + Khối lượng lúc 56 ngày tuổi: gà mái đạt 350 - 450 g/con; + Khối lượng gà mái vào đẻ: 1200 - 1300 g/con; + Năng suất trứng: ≥ 78 quả/mái/năm, tỷ lệ trứng có phôi $\geq 90\%$, tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 80\%$. <p>* Gà Lạc Sơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy mô 600 mái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; 		
--	--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng lúc 56 ngày tuổi: gà mái đạt 450 - 550 g/con; + Khối lượng gà mái vào đẻ: 1300 - 1400 g/con; + Năng suất trứng: ≥ 110 quả/mái/năm, tỷ lệ trứng có phôi $\geq 90\%$, tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 80\%$. <p><u>Đàn thương phẩm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng 2 - 3 mô hình/giống gà, quy mô 1000 con/mô hình/giống gà; + Tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$; + Khối lượng gà 22 tuần tuổi: gà nhiều ngón ≥ 1300 g/con, gà Lạc Sơn ≥ 1400 g/con. <ul style="list-style-type: none"> - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
8	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen trâu khối lượng lớn nuôi tại Chiêm Hóa - Tuyên Quang.	Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn gen trâu khối lượng lớn nuôi tại Chiêm Hóa - Tuyên Quang.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở đàn sinh sản và đàn thương phẩm; - Quy trình tuyển chọn đàn sinh sản; - Quy trình chăn nuôi trâu sinh sản và trâu thương phẩm; - Mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp; <p><u>Đàn sinh sản:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy mô 50 cái sinh sản và 10 đực có 	Tuyển chọn	

			<p>đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng lúc 24 tháng tuổi: trâu đực đạt ≥ 270 kg/con, trâu cái đạt ≥ 250 kg/con; + Khối lượng lúc trưởng thành: trâu đực ≥ 650 kg/con, trâu cái ≥ 450 kg/con; + Tuổi đẻ lần đầu ≤ 44 tháng tuổi, khoảng cách lứa đẻ ≤ 18 tháng. <p><u>Đàn thương phẩm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng 2 mô hình, quy mô 50 con/mô hình (≥ 5 con/hộ nuôi); + Khối lượng 24 tháng tuổi: trâu đực đạt ≥ 250 kg/con, trâu cái đạt ≥ 230 kg/con. <ul style="list-style-type: none"> - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
9	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen tôm mũ ni trắng <i>Thenus orientalis</i> (Lund, 1793).	Có được quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm tôm mũ ni trắng ở Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sinh học và giá trị nguồn gen của tôm mũ ni trắng; - Quy trình sản xuất giống tôm mũ ni trắng: tỷ lệ thành thực $> 70\%$, tỷ lệ đẻ $> 70\%$, tỷ lệ thụ tinh $> 80\%$, tỷ lệ nở $> 80\%$, tỷ lệ sống từ ấu trùng lên tôm giống $> 5\%$; - Quy trình nuôi thương phẩm tôm mũ ni trắng; - Mô hình thử nghiệm sản xuất giống và nuôi thương phẩm tôm mũ ni trắng có sự tham gia của doanh nghiệp; 	Tuyển chọn	

			<ul style="list-style-type: none"> - 20.000 con giống, kích cỡ 1,5-2cm; - 100 cặp tôm bố mẹ, kích cỡ > 120g/con; - 100 cặp tôm hậu bị, kích cỡ > 80g/con; - 300 kg tôm mũ ni trắng thương phẩm; - 2 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
10	<p>Nghiên cứu khai thác nguồn gen vi khuẩn <i>Burkholderia pseudomallei</i> và đánh giá đặc tính sinh học nhằm nâng cao hiệu quả chẩn đoán, dự phòng và điều trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập chủng vi khuẩn <i>Burkholderia pseudomallei</i> từ người, động vật, môi trường tại Việt Nam; - Đánh giá đặc điểm sinh học về tính kháng kháng sinh, kháng nguyên và các gen độc lực của vi khuẩn <i>Burkholderia pseudomallei</i>; - Phát triển các kỹ thuật miễn dịch và sinh học phân tử để phát hiện nhanh, chính xác <i>Burkholderia</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 1000 chủng <i>Burkholderia pseudomallei</i> đại diện các vùng miền; - Bộ dữ liệu và báo cáo về đặc điểm tính kháng kháng sinh, kháng nguyên, trình tự các gen quan trọng; - Lý lịch chủng vi khuẩn <i>Burkholderia pseudomallei</i>; - Quy trình phân lập và bảo quản các chủng; - Bộ kit chẩn đoán <i>Burkholderia pseudomallei</i> từ bệnh phẩm; - 02 bài báo trong nước, 01 bài báo quốc tế; - Tham gia đào tạo 01 thạc sĩ, 01 nghiên cứu sinh. 	Tuyển chọn	

		<i>pseudomallei</i> từ bệnh phẩm.			
II Dự án SXTN (4)					
11	Sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu Trà hoa vàng Tiên Yên (<i>Camellia euphlebia</i>) và Trà hoa vàng Ba Chẽ (<i>Camellia sp.</i>) tại Quảng Ninh.	Hoàn thiện được quy trình sản xuất giống và dược liệu Trà hoa vàng Tiên Yên (<i>Camellia euphlebia</i>) và Trà hoa vàng Ba Chẽ (<i>Camellia sp.</i>) tại Quảng Ninh.	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép và trồng thâm canh lấy hạt; - Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản dược liệu Trà hoa vàng; - Tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống, cây giống và dược liệu (hoa và lá) Trà hoa vàng Tiên Yên và Trà hoa vàng Ba Chẽ; - Vườn giống gốc: 1.000m²/loài; - Vườn nhân giống: 2.000m²/loài; - Mô hình trồng tập trung theo hướng dẫn GACP-WHO có sự tham gia của doanh nghiệp: 10 ha/loài; - 50 kg hoa và 1.000 kg lá đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 	Tuyển chọn	
12	Sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu từ 3 loài Trà hoa	Hoàn thiện được quy trình sản xuất giống và dược liệu từ 3 loài Trà hoa	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kỹ thuật nhân giống 3 loài Trà hoa vàng; - Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản dược liệu Trà hoa 	Tuyển chọn	

	vàng <i>Camellia dalatensis</i> , <i>Camellia dormoyana</i> và <i>Camellia thuongiana</i> tại Lâm Đồng.	vàng <i>Camellia dalatensis</i> , <i>Camellia dormoyana</i> và <i>Camellia thuongiana</i> tại Lâm Đồng.	vàng; <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở của giống và dược liệu của 3 loài Trà hoa vàng; - Vườn giống gốc: 1.000m²/loài; - Vườn nhân giống: 2.000m²/ loài; - Mô hình trồng tập trung theo hướng dẫn GACP-WHO có sự tham gia của doanh nghiệp: 05 ha/loài; - 30 kg hoa và 1.000 kg lá đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
13	Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá măng (<i>Chanos chanos</i> Forsskål, 1775).	Có được quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá măng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ tiêu chuẩn cơ sở cá măng bố mẹ và cá giống; - Quy trình sản xuất giống: tỷ lệ thành thực cá bố mẹ > 60%, tỷ lệ tham gia sinh sản > 60%; tỷ lệ trứng thụ tinh > 65%; tỷ lệ nở > 80%; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương > 15%, cá hương lên cá giống (4-6cm) > 80%; - Quy trình nuôi thương phẩm trong ao: tỷ lệ sống > 75%; năng suất 8 - 10 tấn/ha/vụ (12 tháng); - Quy trình nuôi ghép với tôm trong ao: năng suất > 500 kg cá/ha/vụ; 	Tuyển chọn	

			<ul style="list-style-type: none"> - 02 mô hình sản xuất giống và ương nuôi: quy mô 50.000 giống/mô hình; - 02 mô hình nuôi đơn (qui mô 0,5 ha/mô hình) và một số mô hình nuôi ghép (qui mô 2ha) có sự tham gia của doanh nghiệp, đạt các chỉ tiêu kỹ thuật của quy trình tương ứng; - Cá bố mẹ: 200 con (> 2,0 kg/con, cá khỏe mạnh, không bị bệnh); - Cá hậu bị: 400 con (> 1,0 kg/con, cá khỏe mạnh, không bị bệnh); - Cá giống: 50.000 con (4 – 6 cm, cá khỏe mạnh, không bị bệnh); - Cá thương phẩm: ≥ 9 tấn, cá đạt khối lượng trung bình > 0,5 kg/con, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; - 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
14	Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá song đẹt (<i>Epinephelus bleekeri</i> Vaillant, 1878)	Có được quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá song đẹt.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ tiêu chuẩn cơ sở cá song đẹt bố mẹ và cá giống; - Quy trình sản xuất giống: tỷ lệ thành thực cá bố mẹ > 60%, tỷ lệ tham gia sinh sản > 60%; tỷ lệ trứng thụ tinh > 65%; tỷ lệ nở > 80%; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương > 2%, cá hương lên cá giống (3-4cm) > 80%; 	Tuyển chọn	



			<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình nuôi thương phẩm trong lồng: tỷ lệ sống > 75%; năng suất 8 kg/m³/vụ; - 02 mô hình sản xuất giống và ương nuôi: quy mô 25.000 giống/mô hình; - 02 mô hình nuôi thương phẩm trong lồng có sự tham gia của doanh nghiệp, đạt các chỉ tiêu kỹ thuật của quy trình; - Cá bố mẹ: 100 con (> 3,0 kg/con, cá khỏe mạnh, không bị bệnh); - Cá hậu bị: 200 con (> 1,0 kg/con, cá khỏe mạnh, không bị bệnh); - Cá giống: 50.000 con (3-4 cm, cá khỏe mạnh, không bị bệnh); - Cá thương phẩm: ≥ 3 tấn, cá đạt khối lượng trung bình ≥ 1 kg/con, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; - 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành; - Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ. 		
--	--	--	---	--	--



ĐIỂM MỤC ĐẠT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN VỀ QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2018 XÉT GIAO TRỰC TIẾP

(Kèm theo Quyết định số 1960/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
I	Dự án SXTN (2)				
1	Sản xuất thử nghiệm giống lúa đặc sản Ra zư và A ri tại Thừa Thiên Huế.	Phát triển và sản xuất được 2 giống lúa đặc sản của Thừa Thiên Huế	<ul style="list-style-type: none">- Quy trình thu hoạch, bảo quản chế biến gạo cho 2 giống lúa Ra zư và A ri đảm bảo chất lượng;- Đăng kí được chỉ dẫn địa lí cho 2 giống;- Xây dựng được mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp: 100 ha/giống;- Sản xuất được 10 tấn giống nguyên chủng/giống;- Đề xuất qui hoạch vùng sản xuất hàng hóa 2 giống lúa đặc sản;- 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành;- Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ.	Xét giao trực tiếp cho: Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo	
2	Sản xuất thử nghiệm giống và	- Hoàn thiện được quy trình sản xuất	- Quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống và cây giống Đảng sâm;	Xét giao trực tiếp cho:	

	<p> dược liệu từ nguồn gen Đảng sâm (<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f.) đã được tuyển chọn tại tỉnh KonTum.</p>	<p> giống và dược liệu từ nguồn gen Đảng sâm theo hướng dẫn GACP - WHO tại tỉnh Kon Tum;</p> <p>- Xây dựng được mô hình kết hợp với doanh nghiệp sản xuất giống và dược liệu Đảng sâm theo hướng dẫn GACP - WHO;</p> <p>- Hoàn thiện được hồ sơ đề nghị công nhận giống Đảng sâm.</p>	<p>- Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu Đảng sâm;</p> <p>- Tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống, cây giống và dược liệu Đảng sâm (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);</p> <p>- Bộ hồ sơ đề nghị công nhận giống Đảng sâm được cơ quan quản lý nhà nước tiếp nhận;</p> <p>- Mô hình sản xuất giống công suất 2.000.000 cây giống/năm đạt tiêu chuẩn cơ sở;</p> <p>- Mô hình sản xuất dược liệu Đảng sâm tập trung có sự tham gia của doanh nghiệp được công nhận GACP-WHO theo quy định của Bộ Y tế: 10 ha với năng suất đạt tối thiểu 1,5 tấn dược liệu/ha;</p> <p>- Dược liệu Đảng sâm đạt tiêu chuẩn cơ sở: 15 tấn;</p> <p>- 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành;</p> <p>- Tham gia đào tạo 1 thạc sĩ.</p>	<p>Viện Dược liệu - Bộ Y tế.</p>	
--	--	---	---	----------------------------------	--